

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 28
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là **111.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty: La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện đặt tại số 02 đường Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Ông Trần Tùng Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/5/2011
Ông Trịnh Văn Quảng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/12/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Âu Thiên Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/12/2011
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/6/2011 và miễn nhiệm ngày 09/12/2011
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/5/2011 và miễn nhiệm ngày 09/12/2011
Ông Trịnh Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/6/2011 và miễn nhiệm ngày 01/12/2011
Ông Trần Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/5/2011
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/02/2012
Bà Lê Thị Thúy Hương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28/11/2011 và miễn nhiệm ngày 09/02/2012
Bà Phan Anh Thu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 28/11/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Âu Thiên Hương

Số :/2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long được lập ngày 22 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty chưa thực hiện trích lập tổn thất khoản đầu tư tài chính, số tiền là: 20.000.000.000 đồng.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long số tiền là 20.000.000.000 đồng vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2011 thay vì điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính riêng năm 2010. Nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản chi phí dự phòng nêu trên thì chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 giảm 20.000.000.000 đồng và của năm 2010 tăng lên một khoản tương ứng. Theo đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 tăng và năm 2010 giảm đi một khoản là 20.000.000.000 đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 không thay đổi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Công ty cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (là Công ty Con của Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long) vay dài hạn đến 31 tháng 12 năm 2011 là 121.882.375.568 đồng (xem thuyết minh số V.06). Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long lỗ lũy kế là 58.689.816.269 đồng vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu là 38.679.816.269 đồng. Điều này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về sự mất khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần cấp Thăng Long. Do đó, có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi khoản cho vay nêu trên. Đồng thời khoản cho vay này Công ty không thực hiện thu lãi cho vay trong năm 2010 và năm 2011.

Nhà máy sản xuất cáp của Công ty (nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 48.036.021.672 đồng và 17.224.205.160 đồng) đã ngừng hoạt động từ tháng 6 năm 2010 và không còn phát huy hiệu quả.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.036.367.750	83.500.367.466
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		285.183.454	1.330.635.522
1.	Tiền	111	V.01	285.183.454	1.330.635.522
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.636.212.624	63.175.025.062
1.	Phải thu khách hàng	131		3.341.101.371	23.714.749.801
2.	Trả trước cho người bán	132		4.359.801.079	5.529.416.240
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	385.982.735	34.960.216.996
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2.450.672.561)	(1.029.357.975)
IV.	Hàng tồn kho	140		1.981.151.044	17.479.610.747
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	4.327.363.935	17.479.610.747
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.346.212.891)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.133.820.628	1.515.096.135
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.437.162	23.220.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		98.213.653	102.992.263
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.019.169.813	1.388.883.872

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.463.704.509	120.660.322.473
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.480.987.088	10.285.895.049
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	17.467.653.761	10.268.561.714
	- Nguyên giá	222		48.757.283.617	40.307.733.948
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31.289.629.856)	(30.039.172.234)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.05	13.333.327	17.333.335
	- Nguyên giá	228		20.000.000	20.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.666.673)	(2.666.665)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	121.882.375.568	109.929.815.974
1.	Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		121.882.375.568	89.929.815.974
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(20.000.000.000)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		100.341.853	444.611.450
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	100.341.853	444.611.450
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.500.072.259	204.160.689.939

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		5.654.106.319	29.511.360.215
I.	Nợ ngắn hạn	310		5.654.106.319	29.248.969.215
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		1.845.781.068	24.363.806.309
3.	Người mua trả tiền trước	313		61.500.000	713.722.649
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	33.502.087	599.269.963
5.	Phải trả người lao động	315		104.061.500	144.144.825
6.	Chi phí phải trả	316	V.09	70.000.000	23.844.272
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	3.326.278.783	3.162.985.052
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.982.881	241.196.145
II.	Nợ dài hạn	330		-	262.391.000
3.	Phải trả dài hạn khác			-	250.000.000
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	12.391.000
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.845.965.940	174.649.329.724
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	142.845.965.940	174.649.329.724
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(70.872.568.109)	(39.069.204.325)
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.500.072.259	204.160.689.939

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Phúc Mạnh****Nguyễn Thị Ánh Tuyết****Âu Thiên Hương**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	26.972.260.546	188.762.575.119
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	73.600.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	26.898.660.546	188.762.575.119
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	32.231.487.539	199.069.912.582
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.332.826.993)	(10.307.337.463)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	35.692.899	42.458.124
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	20.000.000.000	35.145.803
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	29.549.623
8.	Chi phí bán hàng	24		521.813.888	2.065.067.595
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.679.970.482	4.516.746.078
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.498.918.464)	(16.881.838.815)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	348.777.935	1.398.909.174
12.	Chi phí khác	32	VI.08	2.653.223.255	1.310.352.208
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.304.445.320)	88.556.966
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(31.803.363.784)	(16.793.281.849)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(31.803.363.784)	(16.793.281.849)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(31.803.363.784)	(16.793.281.849)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.847.168.726	2.152.235.737
-	Các khoản dự phòng	03		23.767.527.477	1.029.357.975
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(95.478.290)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(148.825.626)	-
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.337.493.207)	(13.707.166.427)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.529.430.927	(23.476.842.660)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.152.246.812	6.957.432.069
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(23.765.989.461)	18.490.295.621
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		351.052.435	622.667.315
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	(29.549.623)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(787.064.965)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.929.247.506	(11.930.228.670)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9.280.180.473)	(243.888.353)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		259.788.000	816.000.000
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.692.899	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.974.699.574)	572.111.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	11.000.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(300.000.000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	300.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	11.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.045.452.068)	(358.117.023)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.330.635.522	1.688.752.545
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		285.183.454	1.330.635.522

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Thiết kế vô tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính được thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	8 năm
- Phần mềm máy vi tính	5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí sửa chữa tài sản.
- Các chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	6.885.921	14.679.028
- Tiền gửi ngân hàng	278.297.533	1.315.956.494
Cộng	285.183.454	1.330.635.522

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	385.982.735,0	34.960.216.996,0
+ Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	-	34.538.670.293
+ Các khoản phải thu khác	385.982.735	421.546.703
Cộng	385.982.735	34.960.216.996

03. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	4.151.556.967	16.015.514.401
- Công cụ, dụng cụ	141.953.988	143.693.988
- Thành phẩm	-	1.224.452.700
- Hàng hoá	33.852.980	47.435.050
- Hàng gửi đi bán	-	48.514.608
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	4.327.363.935	17.479.610.747

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.334.481.310	35.421.359.889	1.274.599.417	277.293.332	40.307.733.948
- Mua trong năm	-	9.280.180.473	-	-	9.280.180.473
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(830.630.804)	-	(830.630.804)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.334.481.310	44.701.540.362	443.968.613	277.293.332	48.757.283.617
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.312.923.198	27.768.106.310	751.484.657	206.658.069	30.039.172.234
- Khấu hao trong năm	133.379.340	1.597.407.664	97.740.922	14.640.792	1.843.168.718
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(592.711.096)	-	(592.711.096)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.446.302.538	29.365.513.974	256.514.483	221.298.861	31.289.629.856
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	2.021.558.112	7.653.253.579	523.114.760	70.635.263	10.268.561.714
2. Tại ngày cuối năm	1.888.178.772	15.336.026.388	187.454.130	55.994.471	17.467.653.761

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.000.000	-	20.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	-	20.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.666.665	-	2.666.665
- Khấu hao trong năm	4.000.008	-	4.000.008
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	6.666.673	-	6.666.673
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	17.333.335	-	17.333.335
2. Tại ngày cuối năm	13.333.327	-	13.333.327

06. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (*)	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Cộng		20.000.000.000		20.000.000.000
b- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư trái phiếu		-		10.000.000
+ Trái phiếu chính phủ		-		10.000.000
- Cho vay dài hạn (**)		121.882.375.568		89.919.815.974
Cộng		121.882.375.568		89.929.815.974
c- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
+ Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con		(20.000.000.000)		-
Cộng		(20.000.000.000)		-
Tổng cộng		121.882.375.568		109.929.815.974

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500447117 ngày 09 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long là 20.000.000.000 VND, tương đương 99,9% vốn điều lệ.

(**) Là khoản Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long vay, chi tiết:

Hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2007 với số tiền 89.919.815.974 đồng. Hợp đồng này không quy định cụ thể số tiền vay mà căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên. Tuy nhiên, theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/01/2010 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011, khoản vay này Công ty đang miễn tiền lãi cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long trong năm 2010 và năm 2011 với lãi suất là 0,95%/tháng. Mục đích của các khoản cho vay là để Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long thực hiện đầu tư dây chuyền sản xuất cấp, thời hạn vay từ 02 đến 05 năm. Công ty sẽ thông báo lịch trả nợ cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long trước 03 tháng khi có nhu cầu thu hồi khoản vay.

Hợp đồng tín dụng số 26122011/HĐTD ngày 26 tháng 12 năm 2011 với số tiền 31.962.559.594 đồng không thực hiện tính lãi với thời hạn từ 02 năm đến 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	38.267.107	93.299.515
- Chi phí sửa chữa tài sản	26.201.337	325.383.905
- Chi phí trả trước dài hạn khác	35.873.409	25.928.030
Cộng	<u>100.341.853</u>	<u>444.611.450</u>

08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	-	537.926.108
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.502.087	61.343.855
Cộng	<u>33.502.087</u>	<u>599.269.963</u>

09. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	23.844.272
Cộng	<u>70.000.000</u>	<u>23.844.272</u>

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	13.526.071	-
- Bảo hiểm xã hội	20.119.128	25.547.000
- Bảo hiểm y tế	-	1.903.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	42.012	639.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.062.591.572	3.134.895.552
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	3.002.982.836	3.002.982.836
+ <i>Khác</i>	59.608.736	131.912.716
Cộng	<u>3.326.278.783</u>	<u>3.162.985.052</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(21.804.737.839)	180.913.796.210
Tăng vốn trong năm trước	11.000.000.000	-	-	-	11.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(16.793.281.849)	(16.793.281.849)
Giảm khác	-	-	-	(471.184.637)	(471.184.637)
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(39.069.204.325)	174.649.329.724
Số dư đầu năm nay	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(39.069.204.325)	174.649.329.724
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(31.803.363.784)	(31.803.363.784)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(70.872.568.109)	142.845.965.940

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	111.000.000.000
Cộng	<u>111.000.000.000</u>	<u>111.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>11.718.534.049</u>	<u>11.718.534.049</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hàng hóa đã bán	25.825.428.712	66.239.794.998
- Doanh thu thành phẩm đã bán	1.146.831.834	122.522.780.121
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	<u>26.972.260.546</u>	<u>188.762.575.119</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	73.600.000	-
Cộng	<u>73.600.000</u>	<u>-</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.825.428.712	66.239.794.998
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.073.231.834	122.522.780.121
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	<u>26.898.660.546</u>	<u>188.762.575.119</u>

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.612.307.340	70.744.526.348
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.272.967.308	128.325.386.234
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.346.212.891	-
Cộng	<u>32.231.487.539</u>	<u>199.069.912.582</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.692.899	39.940.401
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.376.722
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	141.001
Cộng	<u>35.692.899</u>	<u>42.458.124</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	-	29.549.623
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	-	5.596.180
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>35.145.803</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	259.788.000	1.378.181.818
- Thu khác	88.989.935	20.727.356
Cộng	<u>348.777.935</u>	<u>1.398.909.174</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	237.919.708	1.282.703.528
- Khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	1.882.060.093	-
- Chi phí khác	533.243.454	27.648.680
Cộng	<u>2.653.223.255</u>	<u>1.310.352.208</u>

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.412.663.063	
- Chi phí nhân công	1.776.690.394	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.847.168.726	Không áp dụng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.812.831	
- Chi phí khác bằng tiền	2.881.400.110	
Cộng	<u>9.249.735.124</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chuyển từ công nợ phải thu sang khoản cho vay 31.962.559.594 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Là cổ đông chiếm 9,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long
	Ông Bùi Hoàng Tuấn là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện.

1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Bán thành phẩm, hàng hóa	2.566.861.075
	Mua nguyên vật liệu	5.814.213.536
	Mua tài sản cố định	9.280.180.473
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Bán hàng hóa	58.752.000
	Mua hàng hóa	9.569.298.037

1.3. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Phải thu khách hàng	31.978.540
	Đầu tư dài hạn khác (cho vay)	121.882.375.568
	Phải trả người bán	4.308.519.647
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Phải thu khách hàng	10.454.125
	Trả trước cho người bán	3.696.432

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực đầu tư	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.073.231.834	25.825.428.712	-	26.898.660.546
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	3.785.403.420	32.612.175.590	20.000.000.000	56.397.579.010
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.712.171.586)	(6.786.746.878)	(20.000.000.000)	(29.498.918.464)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	9.280.180.473	-	-	9.280.180.473
Số dư cuối năm				
Tài sản bộ phận	2.611.636.105	23.720.877.132	121.882.375.568	148.214.888.805
Tài sản không phân bổ	-	-	-	285.183.454
Tổng tài sản	2.611.636.105	23.720.877.132	121.882.375.568	148.500.072.259
Nợ phải trả bộ phận	76.437.904	1.839.343.164	-	1.915.781.068
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.738.325.251
Tổng nợ phải trả	76.437.904	1.839.343.164	-	5.654.106.319

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	285.183.454	1.330.635.522	285.183.454	1.330.635.522
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn (Chovay)	121.882.375.568	89.929.815.974	121.882.375.568	121.882.375.568
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	3.727.084.106	58.674.966.797	1.276.411.545	57.645.608.822
Cộng	125.894.643.128	149.935.418.293	123.443.970.567	180.858.619.912
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.845.781.068	24.363.806.309	1.845.781.068	24.363.806.309
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản khác	393.295.947	183.846.488	393.295.947	183.846.488
Cộng	2.239.077.015	24.547.652.797	2.239.077.015	24.547.652.797

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Những thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long thống nhất sát nhập Công ty TNHH Cấp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long) vào Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long; tuy nhiên, đến thời điểm này, hai Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục để thực hiện việc sáp nhập.

Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23.11/2011/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long đã thống nhất tái cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2012. Trong đó, lên phương án thanh lý các tài sản không sinh lời cụ thể:

- Tại nhà máy cáp Thăng Long – Khu công nghiệp phố Núi A: Hợp đồng hợp tác đầu tư dây truyền sản xuất cáp quang, dây truyền sản xuất ống nhựa với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển SAMCO, Công ty Cổ phần bao bì và dịch vụ Sam Thịnh, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú, Công ty Cổ phần vật liệu điện và viễn thông Sam Cường và dây truyền sản xuất cáp đồng điện lực.
- Tại Nhà máy Dương Nội: Dây truyền sản xuất cáp đồng viễn thông.

Hiện tại công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long đang làm các thủ tục pháp lý cho việc thực hiện thanh lý các tài sản không sinh lời trên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương